

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công

*(kèm theo Tờ trình số /TTr-BCT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

MỞ ĐẦU

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn là một trong những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước và được coi là nhiệm vụ mang tính chiến lược nhằm tạo tiền đề vững chắc để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển công nghiệp ở nông thôn trong sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước và xuất phát từ yêu cầu thực tiễn; trên cơ sở chủ trương đường lối của Đảng và Chính phủ; Bộ Công Thương đã nghiên cứu, xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 về khuyến công (Nghị định số 45/2012/NĐ-CP) thay thế Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2004 về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn (CNNT). Nghị định số 45/2012/NĐ-CP tiếp tục và kế thừa những nội dung tích cực đạt được trong thời gian trước đó và khắc phục những bất cập, tồn tại của Nghị định 134/2004/NĐ-CP; đánh dấu một bước chuyển tích cực trong hoạt động khuyến công.

Trong giai đoạn 10 năm triển khai Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, kinh tế - xã hội nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm sau suy thoái toàn cầu. Ở trong nước, sản xuất kinh doanh chịu áp lực từ những bất ổn về kinh tế và chính trị của thị trường thế giới, cùng khó khăn chưa được giải quyết triệt để như áp lực về khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề; hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm; năng lực quản lý và cạnh tranh của doanh nghiệp thấp... Đặc biệt, đại dịch Covid-19 bùng phát từ cuối năm 2019 đã ảnh hưởng toàn diện đến tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội của Việt Nam, tới tâm lý người dân và hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Trước bối cảnh đó, Chính phủ, Thủ tướng chính phủ đã ban hành nhiều Nghị quyết, Chỉ thị, Quyết định nhằm tiếp tục ổn định vĩ mô, tháo gỡ khó khăn và cải thiện môi trường kinh doanh, tạo đà tăng trưởng, bảo đảm công tác an sinh xã hội cho toàn dân. Trọng tâm là các Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; các Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia qua các năm; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, cùng với sự nỗ lực, quyết tâm của các cấp, các ngành và các địa phương, kinh tế - xã hội nước ta dần có nhiều chuyển biến tích cực qua từng năm, đạt được những thành tựu quan trọng. Cũng trong bối cảnh đó, hoạt động khuyến công cả nước đã tích cực hướng các nội dung vào góp phần thực hiện thắng lợi các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế xã hội của Đảng và Nhà nước, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn (CNNT); góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đến cuối năm 2022, sau thời gian dài tập trung thực hiện mục tiêu kép "vừa phòng, chống dịch, vừa phát triển kinh tế", nền kinh tế Việt Nam đã có bước phục hồi mạnh mẽ và lấy lại đà tăng trưởng vốn có, đạt kết quả tích cực và tương đối toàn diện, đặc biệt là trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều khó khăn, bất ổn.

Sau 10 năm triển khai Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, hoạt động khuyến công từ trung ương đến địa phương đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận: Huy động được các nguồn lực tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, các nhân đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và các dịch vụ khuyến công, góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lại lao động xã hội và góp phần xây dựng nông thôn mới; khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm; bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người; Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp một cách bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế. Sự lan tỏa của những gam màu sáng từ chính sách khuyến công trong nỗ lực quyết tâm đổi mới, sáng tạo cùng niềm tin, động lực từ cộng đồng doanh nghiệp, cơ sở CNNT là những nét nổi bật trong bức tranh của ngành công thương Việt Nam giai đoạn 2013-2022.

Nhằm đánh giá những kết quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế, bài học kinh nghiệm sau 10 năm triển khai Nghị định số 45/2012/NĐ-CP; từ đó xác định rõ các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nâng cao hiệu quả thực hiện công tác khuyến công; đồng thời có cơ sở trình Chính phủ ban hành Nghị định mới quy định về hoạt động khuyến công được Chính phủ giao cho Bộ Công Thương tại Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2023 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Bộ Công Thương phối hợp với các Bộ ngành liên quan, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 45/2012/NĐ-CP như sau:

PHẦN I

CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI NGHỊ ĐỊNH SỐ 45/2012/NĐ-CP VÀ TỔ CHỨC HỆ THỐNG KHUYẾN CÔNG

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Công tác chỉ đạo, phổ biến và quán triệt Nghị định

Sau khi Nghị định số 45/2012/NĐ-CP được ban hành, với vai trò là cơ quan đầu mối của Chính phủ về công tác khuyến công, Bộ Công Thương nhận thức sâu sắc cần sớm đưa Nghị định vào cuộc sống, do đó đã nghiêm túc, khẩn trương chỉ đạo công tác tuyên truyền, quán triệt, phổ biến triển khai sâu rộng đến toàn thể cán bộ công chức, viên chức nhằm nâng cao nhận thức về vai trò, nhiệm vụ của Bộ Công Thương nói riêng và toàn ngành Công Thương nói chung trong việc hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất CNNT, áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, góp phần đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa CNNT.

- Ở Trung ương: Bộ Công Thương đã chỉ đạo Cục Công nghiệp địa phương, nay là Cục Công Thương địa phương (Cục CTĐP) tổ chức thực hiện việc hướng dẫn, chỉ đạo, triển khai các hoạt động khuyến công tới các địa phương, các tổ chức dịch vụ khuyến công và các cơ sở CNNT.-

- Ở địa phương: Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp huyện và các tổ chức kinh tế - chính trị xã hội liên quan tổ chức phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện hoạt động khuyến công trên địa bàn. Trên cơ sở mục tiêu của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP và các Chương trình khuyến công quốc gia từng giai đoạn, định hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của mỗi địa phương, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã trình UBND cấp tỉnh ban hành Chương trình khuyến công địa phương (KCĐP) đến năm 2020, Chương trình KCĐP giai đoạn 2021-2025.

Cục CTĐP đã phối hợp với các Sở Công Thương tổ chức tập huấn phổ biến và triển khai thực hiện Nghị định và các Quyết định ban hành chương trình giai đoạn, các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động khuyến công khác; nhiều địa phương cũng đã tổ chức tập huấn đến cấp huyện, cấp xã và các cơ sở CNNT trên địa bàn.

2. Công tác xây dựng, ban hành chủ trương, chính sách về khuyến công

Sau khi Nghị định số 45/2012/NĐ-CP có hiệu lực, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn được ban hành kịp thời và đồng bộ, tạo cơ sở pháp lý cho công tác tổ chức triển khai thực hiện.

- Ở Trung ương:

Bộ Công Thương là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công, Bộ Công Thương đã xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm

2014 phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020, Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2020 phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2021-2025 và tích cực phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng và ban hành được 08 văn bản quy phạm pháp luật về khuyến công.

Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia (KCQG);

Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu;

Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu;

Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng: Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Công Thương và Bộ Tài chính hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương; Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

- Ở địa phương:

UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã chỉ đạo việc thực hiện, đồng thời xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về KCĐP như: Chương trình khuyến công từng giai đoạn, Quy chế về việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động KCĐP, Quy chế xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án KCĐP.... Kết quả cụ thể như sau:

- 57/63 tỉnh, thành phố đã phê duyệt Chương trình KCĐP giai đoạn đến năm 2020¹, đạt 90,5%; 62/63 tỉnh, thành phố đã phê duyệt Chương trình KCĐP giai đoạn 2021-2025², đạt 98,4%; Đối với các tỉnh, thành phố không xây dựng các chương trình khuyến công giai đoạn thì hàng năm căn cứ tình hình của địa phương xây dựng kế hoạch khuyến công từng năm để thực hiện.

- 63/63 tỉnh, thành phố đã phê duyệt quy chế về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động KCĐP và/hoặc quy chế xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án KCĐP để áp dụng triển khai thực hiện.

Một số địa phương cũng xây dựng, ban hành nhiều văn bản khác liên quan đến công tác khuyến công như Quy định về tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục xét tặng danh hiệu nghệ nhân nghề tiểu thủ công nghiệp cấp tỉnh; Quy định bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu các cấp;...

Ngoài ra, Bộ Công Thương, Cục CTĐP còn ban hành nhiều văn bản, tài liệu để hướng dẫn các địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, quản lý kinh phí KCQG và KCĐP. Điển hình như văn bản số 7540/BCT-CNĐP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Bộ Công Thương gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc tiếp tục đẩy mạnh hoạt động khuyến công và tăng cường năng lực Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp ở địa phương. Theo đó, vai trò, vị trí của các cơ quan quản lý nhà nước về Công Thương ở địa phương được quán triệt, nâng cao một bước, tạo sự gắn kết giữa các cơ quan quản lý nhà nước với cộng đồng doanh nghiệp, cơ sở CNNT; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và UBND các tỉnh, thành phố, sự vào cuộc của các cấp, các ngành ở địa phương, trong đó có vai trò nòng cốt trong công tác tham mưu, quản lý nhà nước của Sở Công Thương và triển khai thực hiện của Trung tâm Khuyến công cấp tỉnh.

Bên cạnh đó, để đẩy mạnh, tạo sự chuyên biến mạnh mẽ hoạt động khuyến công, tạo động lực mới cho phát triển CNNT giai đoạn tới theo đúng tinh thần, nội dung, quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, Quyết định số 1881/QĐ-TTg, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã có Chỉ thị số 04/CT-BCT ngày 19 tháng 02 năm 2021. Chỉ thị nêu rõ cần tiếp tục nâng cao nhận thức, tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành trong chỉ đạo, phối hợp, triển khai các hoạt động khuyến công trên địa bàn; tăng cường nguồn vốn từ ngân sách địa phương để tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công tại địa phương theo Chương trình KCQG và Chương trình KCĐP; xác định rõ vai trò Sở Công Thương là cơ quan giúp UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công tại địa phương; tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công, kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí khuyến công đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích và đúng các quy định pháp luật hiện hành; tổ chức quán triệt sâu sắc vị trí, vai trò của công tác khuyến công trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

¹ 6 địa phương chưa phê duyệt gồm: Cà Mau, Đồng Nai, Nam Định, Phú Yên, Quảng Nam, Sơn La.

² Nam Định.

nông nghiệp, nông thôn; tạo sự gắn kết giữa cơ quan quản lý nhà nước với cộng đồng doanh nghiệp, cơ sở CNNT.

Đến ngày 15 tháng 6 năm 2022, trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội đất nước gặp nhiều khó khăn do tác động của dịch bệnh Covid-19, Bộ Công Thương đã có Công văn số 3384/BCT-CTĐP gửi các địa phương, tổ chức dịch vụ khuyến công nhằm tăng cường các hoạt động khuyến công, thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1881/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 04/CT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương, đồng thời định hướng chuyên ngành đối với việc sắp xếp tổ chức bộ máy, mô hình hoạt động của các đơn vị trực tiếp triển khai nhiệm vụ khuyến công, lực lượng cán bộ khuyến công và mạng lưới cộng tác viên tại các địa phương.

3. Công tác phối hợp và phân công, phân cấp trong quản lý, điều hành

Thực hiện theo quy định quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP và các nguyên tắc phân cấp quản lý nhà nước quy định tại Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW; cho đến nay, công tác phân công, phân cấp thực hiện chương trình khuyến công đã được quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật về khuyến công từ Trung ương đến địa phương.

- Ở Trung ương: Bộ Công Thương là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khuyến công, cơ quan giúp Bộ Công Thương thực hiện chức năng này là Cục CTĐP. Trong quá trình triển khai kế hoạch, đề án KCQG, Bộ Công Thương phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, tổ chức chính trị - xã hội, chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp... để thực hiện các hoạt động khuyến công. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng đã thực hiện tốt vai trò chủ trì, quan tâm bố trí kinh phí sự nghiệp cho hoạt động KCQG hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; đồng thời phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình.

- Ở địa phương: UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã phân công, phân cấp cụ thể cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn trong việc thực hiện hoạt động khuyến công. Sở Công Thương là cơ quan giúp UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khuyến công; Trung tâm Khuyến công là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các hoạt động khuyến công. Bên cạnh đó, các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công của các địa phương còn tổ chức phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội như: Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ... triển khai thực hiện các hoạt động khuyến công.

II. TỔ CHỨC HỆ THỐNG KHUYẾN CÔNG

1. Về tổ chức khuyến công Trung ương

Theo Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, Cục CTĐP là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến

công; tổ chức thực hiện chương trình, đề án KCQG hàng năm theo kế hoạch được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt. Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp 1 trực thuộc Cục CTĐP là đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện triển khai các chương trình, đề án KCQG tại khu vực phía Bắc.

2. Về tổ chức khuyến công địa phương

Đến hết năm 2022, 63/63 Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trên cả nước có đơn vị sự nghiệp trực thuộc (Trung tâm) triển khai thực hiện hoạt động khuyến công. Hệ thống khuyến công trên toàn quốc đã không ngừng được củng cố, trưởng thành, kết nối hoạt động thống nhất từ Trung ương đến địa phương và hoạt động ngày càng hiệu quả.

a) Về cán bộ làm công tác khuyến công

Theo báo cáo của các tỉnh, thành phố, tính đến nay, các Trung tâm thuộc Sở Công Thương thực hiện chức năng, nhiệm vụ về hoạt động khuyến công trên cả nước có tổng số cán bộ, viên chức đang làm việc là 1.254 người, bình quân 20 người/Trung tâm; có 1.144 viên chức, chiếm 91% và 110 lao động hợp đồng, chiếm 9%. Số lao động có trình độ trên đại học là 204 người, chiếm 16%; trình độ đại học, cao đẳng là 977 người, chiếm 78%; trình độ trung, sơ cấp và công nhân kỹ thuật là 73 người, chiếm 6%.

Trong đó, số cán bộ thực tế được giao nhiệm vụ triển khai các hoạt động khuyến công đến cơ sở là 535 người, chiếm khoảng 43% tổng số cán bộ, viên chức đang làm việc tại các Trung tâm trên cả nước, với bình quân 9 người/Trung tâm. Đây chính là lực lượng nòng cốt để triển khai thực hiện hoạt động khuyến công trong những năm qua. Sự phát triển và hoạt động có hiệu quả của hệ thống tổ chức khuyến công đã khẳng định sự đúng đắn của chủ trương phát triển tổ chức dịch vụ khuyến công và hiệu quả hoạt động của hệ thống đáp ứng nhu cầu cấp thiết từ thực tế.

Tuy nhiên, so với yêu cầu nhiệm vụ thì số lượng cán bộ tại các Trung tâm còn thiếu, không đồng đều giữa các địa phương. Trong 63 tỉnh, thành phố: có 03/63 Trung tâm có số cán bộ trên 40 người trở lên³; 06/63 Trung tâm có số cán bộ từ 30-40 người⁴; 48/63 Trung tâm có số cán bộ từ 10-29 người; còn lại 6/63 Trung tâm có số lao động dưới 10 người⁵.

Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp 1 thuộc Cục CTĐP, làm nhiệm vụ xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các đề án KCQG trong khu vực phía Bắc với tổng số cán bộ hiện đang làm việc tại Trung tâm là 40 người.

b) Về tên gọi, nhiệm vụ chủ yếu của các Trung tâm Khuyến công

Theo báo cáo của các địa phương, đến hết năm 2022, các Trung tâm trực thuộc Sở Công Thương ngoài thực hiện nhiệm vụ là triển khai thực hiện các

³ Hà Nội, Ninh Bình, Vĩnh Phúc.

⁴ Hậu Giang, Long An, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Lào Cai, Bắc Ninh.

⁵ Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Kon Tum, Lai Châu, Sơn La.

hoạt động khuyến công theo Nghị định số 45/2012/NĐ-CP và Quyết định số 1881/QĐ-TTg, các Trung tâm thực hiện các hoạt động như: Tư vấn phát triển công nghiệp, chủ yếu là tư vấn đầu tư xây dựng các công trình công nghiệp và năng lượng tại địa phương; các hoạt động về xúc tiến thương mại, tiết kiệm năng lượng, thương mại điện tử, chuyên đổi số;.....Về tên gọi các Trung tâm cụ thể như sau:

- Có 23/63 có tên gọi là Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp và 01 Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp 1.

- Có 02/63 có tên gọi Trung tâm Khuyến công (tỉnh Cà Mau, Lai Châu)

- Có 28/63 có tên gọi là Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại

- Còn lại 10/63 Trung tâm có các tên gọi khác nhau như: Trung tâm Khuyến công và Tư vấn tiết kiệm năng lượng, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến công thương, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công thương... Kinh phí hoạt động của các Trung tâm này chủ yếu do ngân sách Nhà nước cấp và nguồn thu từ hoạt động tư vấn và các hoạt động khác.

Thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, các Trung tâm đã và đang phải thực hiện lộ trình tự chủ về tài chính, tuy nhiên lộ trình và cách phân loại xác định mức độ tự chủ của từng địa phương có khác nhau.

- Có 30/63 Trung tâm đã phải thực hiện tự chủ một phần kinh phí thường xuyên; tỷ lệ tự chủ áp dụng theo lộ trình tăng dần theo từng năm và theo từng giai đoạn.

- Có 33/63 Trung tâm chưa phải thực hiện tự chủ và được Nhà nước đảm bảo 100% ngân sách; tuy nhiên cũng có những lộ trình và quy định cách thức xác định để có quy định mức tự chủ theo từng năm, cụ thể: thực hiện đánh giá, rà soát và xem xét đề xuất phương án thực hiện theo quy định của Nghị định 60/2021/NĐ-CP, trong thời gian đó các Trung tâm thực hiện theo các quyết định quy định trước khi Nghị định 60/2021/NĐ-CP được ban hành.; Quyết định mức kinh phí tự chủ theo từng năm, cách xác định tỷ lệ kinh phí tự chủ của năm hiện tại dựa trên doanh thu/lợi nhuận từ các hoạt động sự nghiệp có thu của năm trước đó (Phú Thọ, Hà Nội); thực hiện theo hướng nhà nước đảm bảo chi 100% cho các viên chức thực hiện các nhiệm vụ về khuyến công (theo vị trí việc làm khi xây dựng đề án thành lập trung tâm) như các tỉnh: Lâm Đồng, Long An.

3. Về hệ thống cộng tác viên khuyến công và các tổ chức dịch vụ khuyến công khác

Đến nay, cả nước có 10 tỉnh⁶ với 122 huyện xây dựng hệ thống mạng lưới cộng tác viên cấp huyện (quận, huyện, thị xã, thành phố) và 641 xã có cộng tác viên cấp xã (xã, phường, thị trấn) ở 7 tỉnh⁷; có tỉnh Bình Định đang triển khai thí điểm mạng lưới cộng tác viên khuyến công cấp huyện. Ở cấp huyện, chủ yếu là

⁶ Quảng Trị, Bình Dương, Tây Ninh, Đồng Nai, Long An, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Thái Bình, Ninh Bình

⁷ Quảng Nam, Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai, An Giang, Vĩnh Phúc, Thái Bình

cán bộ Phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng làm kiêm nhiệm công tác khuyến công. Ở cấp xã, khuyến công viên phần lớn là cán bộ Hội phụ nữ, Hội nông dân, Đoàn thanh niên được bố trí kiêm nhiệm. Tiền thù lao, phụ cấp trả cho đội ngũ khuyến công viên cấp huyện, cấp xã được chi trả từ ngân sách địa phương.

4. Hoạt động phối hợp với các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội và các tổ chức khác để thực hiện hoạt động khuyến công

Ở Trung ương: Bộ Công Thương đã phối hợp với nhiều tổ chức đoàn thể chính trị xã hội như: Liên Minh Hợp tác xã, Hiệp hội Làng nghề Việt Nam...; đồng thời chỉ đạo Cục CTĐP ký kết các hợp đồng thực hiện đề án KCQG với các tổ chức dịch vụ khuyến công trong và ngoài Bộ Công Thương để huy động thêm nguồn lực tham gia và phối hợp triển khai hiệu quả các hoạt động khuyến công...

Ở địa phương: Sở Công Thương các tỉnh, thành phố cũng đã phối hợp với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tỉnh đoàn, cơ sở dạy nghề, cơ quan thông tin truyền thông địa phương trên địa bàn... tích cực xây dựng và triển khai các đề án khuyến công đạt hiệu quả cao.

5. Thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước khác

5.1 Đối với Bộ Công Thương

- Sau khi Nghị định số 45/2012/NĐ-CP được ban hành, Bộ Công Thương đã tích cực phối hợp với các Bộ, ban, ngành ở Trung ương, UBND các tỉnh, thành phố để tổ chức triển khai thực hiện. Xây dựng hoặc phối hợp các đơn vị có liên quan xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về công tác khuyến công, cho đến nay đã hình thành hệ thống văn bản đầy đủ, đồng bộ và được áp dụng thống nhất trên toàn quốc. Thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương xây dựng cơ chế chính sách, ban hành văn bản quy phạm về công tác khuyến công tại địa phương; hướng dẫn các Sở Công Thương xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý nguồn kinh phí KCĐP; xây dựng chương trình KCĐP từng giai đoạn.

- Bộ Công Thương xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ các Chương trình khuyến công quốc gia từng giai đoạn (giai đoạn 2014 đến năm 2020 và giai đoạn 2021-2025) và hướng dẫn, tổ chức thực hiện các hoạt động theo các Chương trình được phê duyệt.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch ngân sách kinh phí KCQG trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện. Trong giai đoạn 2013-2022, Bộ Công Thương luôn đề cao trách nhiệm trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác khuyến công; thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá và cải tiến phương pháp quản lý, tổ chức thực hiện nhằm sử dụng nguồn kinh phí KCQG đúng mục đích, đúng chế độ và đạt hiệu quả cao.

- Bộ Công Thương đã làm tốt nhiệm vụ là đầu mối, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương kịp thời hướng dẫn, xử lý các khó khăn, vướng mắc và giải

quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị định số 45/2012/NĐ-CP và các vấn đề vướng mắc có liên quan khi thực hiện các hoạt động khuyến công.

- Phối hợp với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố và đơn vị có liên quan tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các đề án KCQG và việc quản lý sử dụng kinh phí KCQG (trung bình 20 tỉnh/năm).

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu cơ bản để theo dõi, đánh giá, tổng hợp báo cáo về tình hình hoạt động khuyến công chung của cả nước nhằm đề xuất và đưa ra những giải pháp điều hành thích hợp.

5.2 Đối với Ủy ban nhân dân, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động khuyến công trong phạm vi địa phương thông qua triển khai các nhiệm vụ: Xây dựng, sửa đổi và ban hành chủ trương, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về công tác khuyến công phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện địa phương; Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình KCĐP từng giai đoạn và kế hoạch, đề án khuyến công hàng năm tại địa phương; Bảo đảm nguồn vốn từ ngân sách địa phương để tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công tại địa phương; Phối hợp với Bộ Công Thương trong triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công có sử dụng kinh phí KCQG; đồng thời chỉ đạo chặt chẽ công tác kiểm tra giám sát các hoạt động khuyến công trên địa bàn.

- Sở Công Thương là cơ quan giúp UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công tại địa phương, đã tích cực triển khai các nhiệm vụ, cụ thể:

+ Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để quản lý hoạt động khuyến công trên địa bàn. Triển khai xây dựng và rà soát, bổ sung các quy hoạch phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các đề án phát triển một số ngành nghề có lợi thế, xây dựng, danh mục các ngành nghề ưu tiên, các ngành công nghiệp mũi nhọn của địa phương; phát triển các cụm công nghiệp; các chính sách ưu đãi đầu tư, khuyến khích phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề ở địa phương. Tham mưu cho UBND cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng giải quyết các vấn đề liên quan đến đầu tư, tài chính - tín dụng, khoa học công nghệ, thông tin - thị trường, đất đai, lao động và môi trường phục vụ phát triển CNNT;

+ Sở Công Thương đã phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch KCĐP hàng năm, trình UBND cấp tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện. Đến nay, 100% các tỉnh, thành phố đều bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương để triển khai hoạt động khuyến công tại địa phương. Tổng kinh phí KCĐP trong 10 năm qua là khoảng 1.493 tỷ đồng, chiếm 59% tổng kinh phí khuyến công. Bên cạnh nguồn kinh phí UBND tỉnh cấp hàng năm, nhiều huyện, thị xã của một số tỉnh cũng đã dành nguồn kinh phí từ ngân sách để tổ chức triển khai các hoạt động khuyến công trên địa bàn;

+ Sở Công Thương đã xây dựng đề án trình UBND tỉnh, thành phố thành lập Trung tâm Khuyến công trực thuộc Sở Công Thương; đồng thời đã quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ cho các Trung tâm để thực hiện tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao; Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra nhằm tháo gỡ các khó khăn vướng mắc cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện hoạt động khuyến công trên địa bàn được quan tâm nhằm đảm bảo việc sử dụng kinh phí khuyến công đúng mục đích, có hiệu quả và đạt các mục tiêu đã đề ra.

5.3 Đối với các Bộ ban ngành có liên quan

- Bộ Tài chính:

Sau khi Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ được ban hành và có hiệu lực thi hành, Bộ Tài chính đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tích cực triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao, cụ thể:

+ Tích cực phối hợp với Bộ Công Thương và UBND các tỉnh, thành phố phổ biến, hướng dẫn và tham gia tập huấn về việc lập, quản lý sử dụng kinh phí KCQG và KCĐP;

+ Phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng và ban hành Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí KCQG và kinh phí KCĐP; đến năm 2018, Bộ Tài chính tiếp tục chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng và ban hành Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 thay thế Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương;

+ Đảm bảo kinh phí từ ngân sách nhà nước cho hoạt động khuyến công và tăng dần qua các năm, trung bình khoảng 104 tỷ đồng/năm (riêng năm 2021, do ngân sách ưu tiên tập trung cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid -19 nên ngân sách Trung ương bố trí cho Chương trình khuyến công quốc gia thấp hơn khoảng 30% so với mức trung bình chung của 10 năm).

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2020, do nguồn lực ngân sách trung ương còn hạn chế, nên Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa bố trí được nguồn vốn đầu tư để hỗ trợ cơ sở vật chất và trang thiết bị làm việc cho các Trung tâm khuyến công của các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên đến giai đoạn 2021-2025, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã bố trí vốn ngân sách trung ương đầu tư công trung hạn để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng trụ sở và khu chức năng cho Trung tâm khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp 1.

- Bộ Nội vụ:

Năm 2011, Bộ Nội vụ đã phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng và ban hành Thông tư liên tịch số 16/2011/TTLT-BCT-BNV ngày 05 tháng 4 năm 2011 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp trực thuộc Sở Công

Thương. Sau khi Nghị định 45/2012/NĐ-CP có hiệu lực, chức năng nhiệm vụ quyền hạn cơ cấu tổ chức và biên chế của các Trung tâm Khuyến công cấp tỉnh vẫn được áp dụng theo quy định của Thông tư liên tịch số 16/2011/TTLT-BCT-BNV.

- Một số Bộ, ngành khác:

Một số Bộ, ngành như Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ngân hàng nhà nước Việt Nam... đã chủ động lồng ghép các Chương trình mục tiêu khác để phối hợp thực hiện như Chương trình "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020", Chương trình Khuyến nông quốc gia; Chương trình Phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020; Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số; Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, trong đó có các đối tượng thụ hưởng là các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp trên địa bàn nông thôn, thông qua việc trình Chính phủ ban hành Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010, Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 (thay thế Nghị định số 41/2010/NĐ-CP); Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 sửa đổi bổ sung Nghị định số 55/2015/NĐ-CP...

PHẦN II

KẾT QUẢ 10 NĂM THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ 45/2012/NĐ-CP

Trong giai đoạn 2013-2022, các hoạt động khuyến công quốc gia và khuyến công địa phương đã được triển khai rộng khắp trên các địa bàn từ đồng bằng đến miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, vùng biên giới hải đảo với đa dạng các nội dung hoạt động khuyến công được quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, định hướng nội dung mục tiêu được quy định tại Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/8/2014 và Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20/11/2020. Nhiều mô hình tiêu biểu, điển hình và cách làm sáng tạo đã được áp dụng triển khai góp phần nâng cao hiệu quả của chính sách đến với các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển sản xuất CNNT và áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

I. Kết quả thực hiện các nội dung hoạt động khuyến công

1. Về hỗ trợ đào tạo nghề, truyền nghề và nâng cao tay nghề

Công tác đào tạo nghề là một trong những nội dung được nhiều địa phương quan tâm triển khai thực hiện, nhằm đáp ứng nhu cầu lao động có tay nghề cho các cơ sở CNNT. Hoạt động đào tạo nghề, truyền nghề chủ yếu bằng hình thức đào tạo tại chỗ, ngắn hạn (dưới 1 năm) gắn với các cơ sở CNNT. Với lợi thế thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn, các Sở Công Thương đã xây dựng kế hoạch đào tạo nghề theo nhu cầu của doanh nghiệp; đồng thời thực hiện đa dạng hoá các ngành nghề, các chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tế của doanh nghiệp. Lấy mục tiêu đào tạo là trang bị cho lao động các kỹ năng, kỹ thuật phù hợp với thực tế đầu tư trang thiết bị, công nghệ của cơ sở CNNT; đảm bảo lao động sau đào tạo có khả năng tiếp cận làm việc ngay được trên dây chuyền sản xuất của doanh nghiệp. Ngoài ra còn phối hợp với các trường, cơ sở đào tạo nghề để đào tạo công nhân lành nghề cho các doanh nghiệp.

Công tác đào tạo nghề, truyền nghề trong hoạt động khuyến công đã tập trung vào một số ngành, nghề chính là: công nghiệp chế biến nông, lâm, sản; cơ khí gia công sản xuất, sửa chữa máy móc, nông cụ phục vụ nông nghiệp, nông thôn; cơ khí tiêu dùng; sản xuất hàng tiêu dùng hoặc hàng xuất khẩu (như may công nghiệp,...); sản xuất các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp tại các làng nghề truyền thống. Trong đó, ưu tiên kinh phí khuyến công thực hiện các đề án đào tạo nghề cho lao động vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người và lao động sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất do quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá. Đào tạo lao động cho các cơ sở CNNT đầu tư mới, đầu tư mở rộng sản xuất, các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu; đào tạo lao động vào làm việc tại các khu, cụm công nghiệp. Đào tạo nghề nhân, thợ giỏi tiểu thủ công nghiệp để hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề và phát triển nghề ở nông thôn.

Kết quả đã tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề, nâng cao tay nghề cho 113.370 lao động với tỷ lệ có việc làm sau đào tạo đạt trên 90%. Kinh phí thực hiện là 151,6 tỷ đồng, chiếm 6% tổng kinh phí.

2. Về hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở công nghiệp nông thôn

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc nâng cao năng lực quản lý sản xuất nhằm tăng năng suất và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, cơ sở CNNT, Chương trình đã tổ chức các lớp đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, điều hành tại các cơ sở CNNT; đào tạo nâng cao nhận thức và khả năng áp dụng hệ thống quản lý chất lượng HACCP, ISO 22000; áp dụng các công cụ nâng cao năng suất chất lượng như 5s, Kaizen... cho tổng số 67.700 học viên. Các nội dung đào tạo thể hiện sự hỗ trợ, đồng hành theo chiều sâu, tìm ra những vấn đề tồn tại và cùng doanh nghiệp xây dựng kế hoạch cải tiến khắc phục, từ đó nâng cao năng lực doanh nghiệp. Chương trình đã giúp các học viên nâng cao kiến thức qua các nội dung chuyên đề đào tạo, đồng thời củng cố năng lực quản lý nhân lực, kỹ năng lãnh đạo, điều hành hoạt động sản xuất.

Tổ chức được gần 400 đoàn tham quan khảo sát học tập kinh nghiệm khuyến công trong và ngoài nước cho hơn 5.200 lượt chủ các cơ sở CNNT, cán bộ khuyến công, cán bộ quản lý công nghiệp tại các Sở Công Thương, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện. Hoạt động này đã giúp các cơ sở CNNT có cơ hội trao đổi kinh nghiệm quản lý sản xuất kinh doanh, học tập các mô hình tiêu biểu, ký kết thỏa thuận hợp tác; các cán bộ quản lý nhà nước có điều kiện trao đổi về tiềm năng thế mạnh, giao lưu học hỏi kinh nghiệm về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kinh nghiệm về triển khai hoạt động khuyến công. Mỗi năm tổ chức được khoảng 100 hội nghị tập huấn, hội thảo chuyên đề cho hơn 9.000 lượt đại biểu tham gia với các nội dung: Phổ biến cơ chế chính sách về khuyến công; phổ biến kỹ thuật và công nghệ mới; tư vấn, hỗ trợ lập dự án đầu tư, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh giúp các tổ chức và cá nhân khởi sự thành lập doanh nghiệp.

Kinh phí thực hiện là 121,9 tỷ đồng, chiếm 5% tổng kinh phí.

3. Về hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

Đây là chương trình trọng tâm trong hoạt động khuyến công, được nhiều địa phương quan tâm tổ chức thực hiện, nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, đổi mới thiết bị, công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh cho các cơ sở CNNT.

Trong giai đoạn từ năm 2013-2022, chương trình đã hỗ trợ xây dựng 628 mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới, công nghệ mới; hỗ trợ cho 8.100 lượt cơ sở CNNT chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (ứng

dụng máy móc tiên tiến); nhằm nâng cao được năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường so với máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ cơ sở sản xuất đang sử dụng hoặc tạo ra sản phẩm mới.

Một số ngành nghề được tập trung hỗ trợ gồm: khuyến khích cơ giới hoá trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm; khuyến khích các cơ sở công nghiệp đầu tư chế biến nông, lâm, thủy sản; sản xuất, gia công, sửa chữa cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn; sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; đầu tư xử lý nước thải, rác thải trong các cụm công nghiệp; xử lý ô nhiễm môi trường của các doanh nghiệp chế biến thực phẩm;... Hoạt động hỗ trợ máy móc, thiết bị hiện đại vào sản xuất, chế biến nhằm hướng tới xây dựng chuỗi liên kết từ thu mua, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, phát triển theo mô hình ứng dụng công nghệ hiện đại, áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất và mang lại giá trị kinh tế cao.

Các đề án ứng dụng máy móc tiên tiến đã hỗ trợ tích cực cho các cơ sở CNNT nhận chuyển giao kỹ thuật, tiếp cận phương thức quản lý và công nghệ sản xuất mới nhằm nâng cao năng suất lao động, khai thác có hiệu quả ngành nghề phù hợp tại địa phương. Các mô hình qua đánh giá đều là những hình mẫu cho các giải pháp sản xuất khu vực nông thôn, giúp các doanh nghiệp, cơ sở CNNT ứng dụng được các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; có những mô hình mang tính đại diện cho cả vùng và mang lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội, môi trường, mức doanh thu sau khi được kinh phí KCQG hỗ trợ tăng trung bình khoảng 20% so với mức doanh thu trước khi được hỗ trợ; nhân rộng mô hình cho các đơn vị khác; giải quyết việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững, từng bước tiến tới mục tiêu nâng cao chất lượng, tạo lợi thế cạnh tranh cho các sản phẩm công nghiệp - nông nghiệp nông thôn của mỗi tỉnh.

Kinh phí thực hiện là 1.326 tỷ đồng, chiếm 52,% tổng kinh phí.

4. Về hỗ trợ phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu

Phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu là một nội dung quan trọng trong chính sách khuyến công nhằm phát hiện và tôn vinh các sản phẩm có chất lượng, có giá trị sử dụng cao, có tiềm năng phát triển sản xuất, mở rộng thị trường, đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước, để có kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất và xúc tiến thương mại, góp phần thúc đẩy CNNT phát triển.

Giai đoạn 2013-2022, Bộ Công Thương đã phối hợp với các địa phương tổ chức 28 hội chợ triển lãm hàng CNNT tiêu biểu cấp khu vực; 03 Hội chợ triển lãm hàng CNNT tiêu biểu cấp quốc gia. Quy mô mỗi Hội chợ triển lãm đạt khoảng 350 - 450 gian hàng tiêu chuẩn và trung bình có sự tham gia của khoảng 155-200 doanh nghiệp, cơ sở CNNT.

Về công tác bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu, tính đến hết năm 2022, Bộ Công Thương đã tổ chức được 06 lần bình chọn cấp khu vực và 04 lần bình chọn cấp quốc gia. Kết quả đã bình chọn được 1.630 sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp khu vực và 512 sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp quốc gia. Các sản phẩm được

chia theo 4 nhóm gồm: (i) Nhóm sản phẩm thủ công mỹ nghệ; (ii) Nhóm sản phẩm chế biến nông, lâm, thủy sản và đồ uống; (iii) Nhóm sản phẩm thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí; (iv) Nhóm các sản phẩm khác. Công tác bình chọn đã giúp các sản phẩm được cấp giấy chứng nhận có cơ hội được quảng bá sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, và tham gia vào các nội dung hoạt động khuyến công khác nhằm phát triển thương hiệu sản phẩm.

Trong cả giai đoạn, các địa phương cũng đã tổ chức bình chọn được 4.420 sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp huyện và 5.714 sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh. Đồng thời, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố phối hợp với các sở ngành, huyện, thị tổ chức được gần 1.000 hội chợ triển lãm cấp tỉnh, huyện, với quy mô 150 gian hàng tiêu chuẩn/hội chợ và có sự tham gia của gần 100 cơ sở CNNT/hội chợ. Ngoài ra, đã hỗ trợ được hơn 20.000 lượt cơ sở CNNT tham gia các hội chợ, triển lãm trong nước.

Năm 2016, Chương trình KCQG đã hỗ trợ thành lập 01 phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm hàng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp khu vực phía Bắc có quy mô 170 m² tại tầng 7 - số 655 đường Phạm Văn Đồng - thành phố Hà Nội nhằm kết nối, gỡ gỡ trao đổi thông tin chi tiết về sản phẩm, doanh nghiệp có sản phẩm trưng bày với các đối tác trong và ngoài nước có nhu cầu mua hàng hóa; hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn có điều kiện giới thiệu, quảng bá những sản phẩm tiêu biểu. Các địa phương cũng đã triển khai nội dung hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày các sản phẩm CNNT tiêu biểu tại các địa phương⁸ và đạt hiệu quả cao trong các hoạt động quảng, bá, giới thiệu và xúc tiến thương mại. Ngoài ra, hỗ trợ đầu tư, xây dựng được 210 phòng trưng bày cho các cơ sở CNNT có sản phẩm đạt giải sản phẩm CNNT các cấp.

Đưa các sản phẩm CNNT của Việt Nam vươn tầm ra thế giới là hoạt động xúc tiến thương mại quan trọng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu. Từ năm 2014 đến năm 2019, Chương trình KCQG đã hỗ trợ thuê 362 gian hàng cho các cơ sở CNNT tham gia 03 hội chợ tại nước ngoài (Đức, Hồng Kông, Trung Quốc). Đây là các hội chợ chuyên nghiệp được tổ chức thường niên, thu hút lượng lớn khách hàng thương mại trên khắp thế giới tham gia.

Kinh phí thực hiện là 391 tỷ đồng, chiếm 15% tổng kinh phí.

5. Về hỗ trợ tư vấn, trợ giúp các cơ sở CNNT

Hoạt động tư vấn của các chuyên gia cùng các cơ sở CNNT trong các lĩnh vực: Đánh giá toàn diện thực trạng hoạt động của doanh nghiệp, từ đó đưa ra phương án đề hoàn thiện và xây dựng quy trình quản lý, tổ chức sản xuất, quản trị doanh nghiệp một cách tốt nhất; tư vấn trình tự thủ tục thành lập doanh nghiệp, chuyển đổi số. Nội dung hoạt động này đã tư vấn trợ giúp cho 455 các cơ sở CNNT trong việc nâng cao nhận thức về sản xuất kinh doanh, đăng ký thành lập doanh nghiệp, thiết kế mẫu mã bao bì sản phẩm, nâng cao năng suất chất lượng, xúc tiến và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm trên môi trường Internet,

⁸ Đồng Nai, Đồng Tháp,.....

Kinh phí thực hiện là hơn 31 tỷ đồng, chiếm gần 2% tổng kinh phí.

6. Về hỗ trợ cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công

Công tác thông tin tuyên truyền được duy trì và ngày càng nâng cao về chất lượng.

Ở Trung ương: Định kỳ hàng tháng xuất bản được 1.200 cuốn Bản tin Khuyến công cung cấp cho các cơ sở CNNT, Trung tâm khuyến công, Sở Công Thương và một số cơ quan quản lý nhà nước có liên quan phản ánh về tình hình thực hiện công tác khuyến công, qua đó góp phần xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp và hiệu quả nhằm thúc đẩy hoạt động CNNT phát triển. Tổ chức thông tin tuyên truyền về hoạt động Khuyến công và CNNT với hàng trăm tin bài và hình ảnh mỗi năm trên các ấn phẩm của Báo Đại biểu Nhân dân, Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương, Thông tấn xã Việt Nam, Tạp chí làng nghề Việt Nam,...

Hỗ trợ cho các cơ sở CNNT có sản phẩm được cấp giấy chứng nhận sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp quốc gia xây dựng mới 487 Website/phần mềm ứng dụng giải pháp quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho các cơ sở CNNT; xây dựng trang tin khuyến công điện tử www.khuyencongonline.gov.vn; tiếp tục duy trì trang thông tin điện tử www.ipc1.gov.vn.

Từ năm 2013, hỗ trợ sản xuất các chương trình truyền hình về công nghiệp địa phương và phát trên sóng Đài Truyền hình Việt Nam. Các nội dung tuyên truyền tập trung vào các lợi ích từ chương trình khuyến công; những điển hình tiên tiến trong hoạt động khuyến công; vai trò của các Trung tâm khuyến công; các mô hình trình diễn kỹ thuật điển hình trong phát triển công nghiệp ở nông thôn; các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật công nghiệp, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển CNNT.... Chương trình được các địa phương đánh giá cao, đem lại hiệu quả thiết thực cho công tác quản lý khuyến công trên địa bàn cả nước. Ngoài ra, in ấn nhiều tài liệu, ấn phẩm phục vụ cho công tác khuyến công; biên tập và in ấn catalogue sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp quốc gia, Sổ tay công thương; Kỷ yếu về hoạt động khuyến công...

Ở các địa phương: xuất bản “Bản tin khuyến công”, “Bản tin công nghiệp” địa phương, đồng thời, phối hợp với các báo đài ở Trung ương và địa phương xây dựng được gần 4.500 chương trình truyền hình, chương trình truyền thanh và gần 300.000 chuyên mục khuyến công trên các báo và phương tiện truyền thông khác. Có 26 địa phương xây dựng được trang thông tin điện tử về CNNT. Ngoài ra, nhiều địa phương còn tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức khác nhau như tờ rơi, tờ gấp, tổ chức diễn đàn,....

Kinh phí thực hiện là 161,6 tỷ đồng, chiếm 6% tổng kinh phí.

7. Về hỗ trợ liên doanh, liên kết hợp tác kinh tế và phát triển các cụm công nghiệp

Chương trình đã hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cho 82 cụm công nghiệp, hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho 58 cụm công nghiệp nhằm tạo mặt bằng để khuyến khích, thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, di dời các cơ sở sản xuất trong các làng nghề, nơi đông dân cư vào các cụm công nghiệp sản xuất tập trung.

Ngoài ra đã hỗ trợ thành lập một số hiệp hội, hội nghề cấp tỉnh, hội ngành nghề cấp huyện, hội ngành nghề. Nhìn chung, các hội nghề nghiệp được hỗ trợ thành lập ở địa phương bước đầu đã phát huy tốt vai trò làm đầu mối liên kết giữa các hội viên, khuyến khích động viên các thành viên phát triển sản xuất kinh doanh.

Kinh phí thực hiện là 128 tỷ đồng, chiếm 5% tổng kinh phí.

8. Về hợp tác quốc tế và hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công

Về hợp tác quốc tế, ở trung ương đã tổ chức 18 đoàn công tác học tập, nghiên cứu chính sách phát triển công nghiệp địa phương cho các cán bộ Cục CTDP, đại diện Lãnh đạo Sở Công Thương, Trung tâm khuyến công và đại diện cơ sở CNNT một số tỉnh, thành phố tại nhiều nước trong khu vực và trên thế giới: Nhật Bản, Ấn Độ, Đức, Pháp, Malaysia, Singapore, Myanmar, Trung Quốc, Indonexia, Philipine, Hồng Kông..... Thông qua trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn với các tổ chức, cá nhân tại nước ngoài đã góp phần giúp các cán bộ làm công tác khuyến công nâng cao năng lực, trình độ quản lý nhà nước, tham mưu hoạch định chính sách. Đồng thời, đây cũng là cơ hội giúp các cơ sở CNNT có cơ hội tìm kiếm, mở rộng thị trường, xúc tiến tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm CNNT.

Hàng năm, chương trình đã tổ chức 03 Hội nghị khuyến công vùng tại 03 khu vực Bắc - Trung - Nam; tổ chức một số Hội nghị với chuyên đề về hoạt động phát triển cụm công nghiệp; tổ chức được các Hội nghị lấy ý kiến góp ý của các địa phương và đơn vị có liên quan về việc sửa đổi bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về khuyến công. Xây dựng được chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ làm công tác khuyến công thống nhất phục vụ cho việc phát triển CNNT. Hàng năm, đã tổ chức các chương trình kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, thanh quyết toán các đề án KCQG; hướng dẫn thực hiện hoạt động khuyến công trên địa bàn cả nước.

Nhằm nâng cao hiệu quả trong thực thi nhiệm vụ, các địa phương đã quan tâm đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị, phương tiện làm việc tại đơn vị sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ khuyến công thuộc Sở Công Thương. Hiện nay, 100% cán bộ, viên chức, người lao động trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khuyến công đã được trang bị đầy đủ máy tính, máy in, đường truyền thông tin dữ liệu, cơ sở làm việc khang trang, thuận lợi cho công tác triển khai các hoạt động đảm bảo yêu cầu thực thi nhiệm vụ.

Kinh phí thực hiện là 96,7 tỷ đồng, chiếm gần 4% tổng kinh phí.

9. Một số nội dung hoạt động khác

Ngoài các hoạt động khuyến công thực hiện theo các chương trình nêu trên, nguồn kinh phí khuyến công địa phương còn thực hiện một số nội dung khác để hỗ trợ các cơ sở CNNT như khảo sát thu thập thông tin các cơ sở CNNT; tổ chức lễ phát động doanh nghiệp thi đua đẩy mạnh sản xuất kinh doanh; Hội nghị tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất; Tổ chức tôn vinh và lễ trao tặng danh hiệu Nghệ nhân, thợ giỏi, Nghệ nhân Ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ; Chi mua sản phẩm trưng bày tại gian hàng triển lãm Trung tâm; chi đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc tại Trung tâm khuyến công cấp tỉnh,... Bên cạnh đó, có địa phương như Lâm Đồng đã thực hiện có hiệu quả trong việc bảo tồn nguồn vốn cho ngân sách thông qua hình thức “hỗ trợ có thu hồi kinh phí” để đầu tư xây dựng nhà xưởng, mua máy móc thiết bị phát triển sản xuất tại các cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Các doanh nghiệp được hỗ trợ đã sử dụng hiệu quả nguồn vốn của ngân sách, hoàn trả kinh phí đúng theo yêu cầu của các cơ quan quản lý.

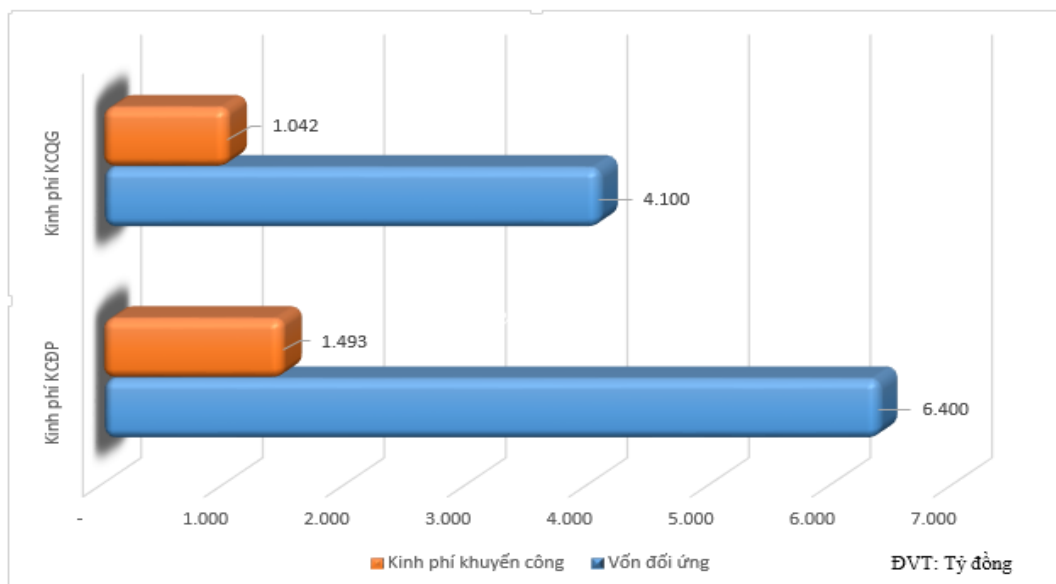
Kinh phí thực hiện là 126,7 tỷ đồng, chiếm 5% tổng kinh phí.

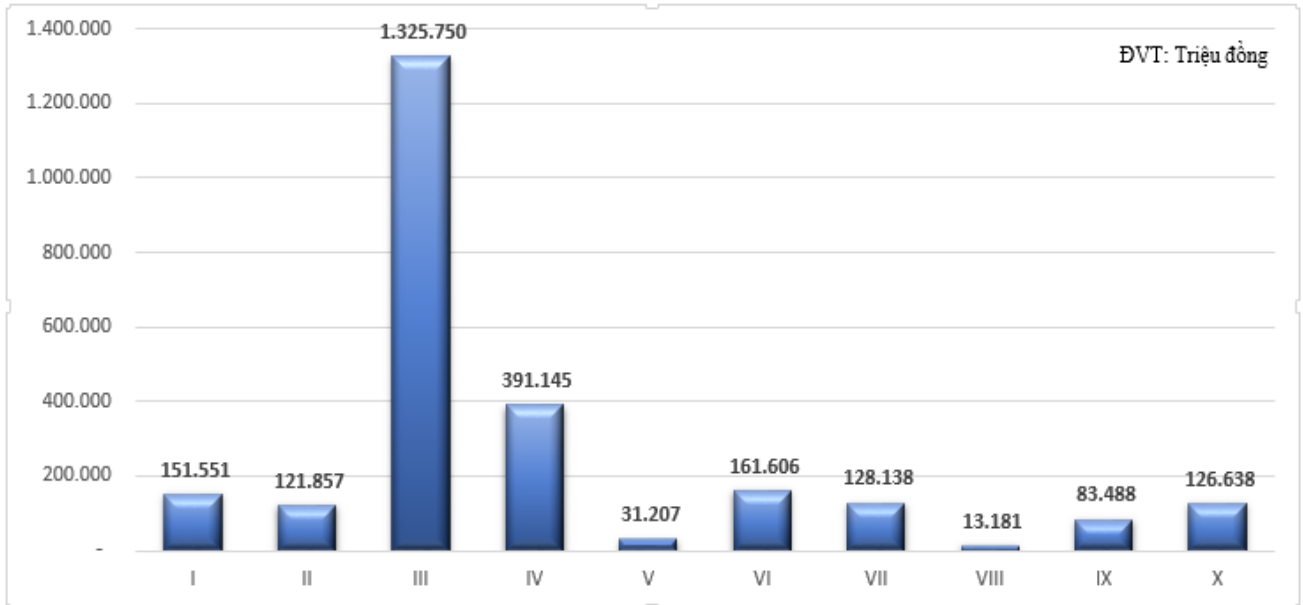
II. Kết quả huy động các nguồn lực thực hiện

Tổng kinh phí từ ngân sách bố trí cho hoạt động KCQG và KCĐP của 63 tỉnh, thành phố trong 10 năm (2013-2022) là hơn 2.535 tỷ đồng, trung bình đạt 40,23 tỷ đồng/tỉnh/10 năm và hơn 4 tỷ đồng/tỉnh/năm. Trong đó, kinh phí KCQG là 1.042 tỷ đồng, chiếm hơn 41%; kinh phí KCĐP là 1.493 tỷ đồng, chiếm gần 59%.

Số vốn đối ứng của các tổ chức cá nhân tham gia thực hiện và thụ hưởng chương trình trong giai đoạn 2013-2022 là hơn 10.500 tỷ đồng. Đây là con số đáng ghi nhận về hiệu quả đầu tư của chương trình, đặc biệt ở nội dung hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp. Trung bình cứ 01 đồng vốn từ ngân sách nhà nước thu hút được khoảng 04 đồng vốn đầu tư của cơ sở CNNT.

Biểu đồ 01: Nguồn ngân sách bố trí cho hoạt động khuyến công và vốn đối ứng của các tổ chức cá nhân



Biểu đồ 02: Kinh phí khuyến công chia theo một số nội dung hoạt động

- I. Chương trình đào tạo nghề/truyền nghề và phát triển nghề
- II. Chương trình nâng cao năng lực quản lý
- III. Chương trình hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật (TDKT), chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiến bộ khoa học kỹ thuật (KHKT)
- IV. Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu
- V. Chương trình phát triển hoạt động tư vấn cung cấp thông tin
- VI. Cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công
- VII. Chương trình hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế và phát triển các cụm công nghiệp
- VIII. Chương trình về hợp tác quốc tế về hoạt động khuyến công
- IX. Chương trình nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện
- X. Nội dung khác

Việc bố trí kinh phí khuyến công giữa các vùng và các tỉnh trong vùng có sự khác nhau, phụ thuộc vào sự quan tâm và khả năng cân đối ngân sách của các địa phương. Tổng kinh phí khuyến công thực hiện trong 10 năm qua của các vùng như sau:

a) Vùng đồng bằng Sông Hồng (gồm 11 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Quảng Ninh). Kinh phí khuyến công của toàn vùng là 596,4 tỷ đồng, chiếm gần 23,5%;

b) Vùng Trung du miền núi phía Bắc (gồm 14 tỉnh, thành phố: Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Yên Bái, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình). Kinh phí khuyến công của toàn vùng là 357,8 tỷ đồng, chiếm 14,1%;

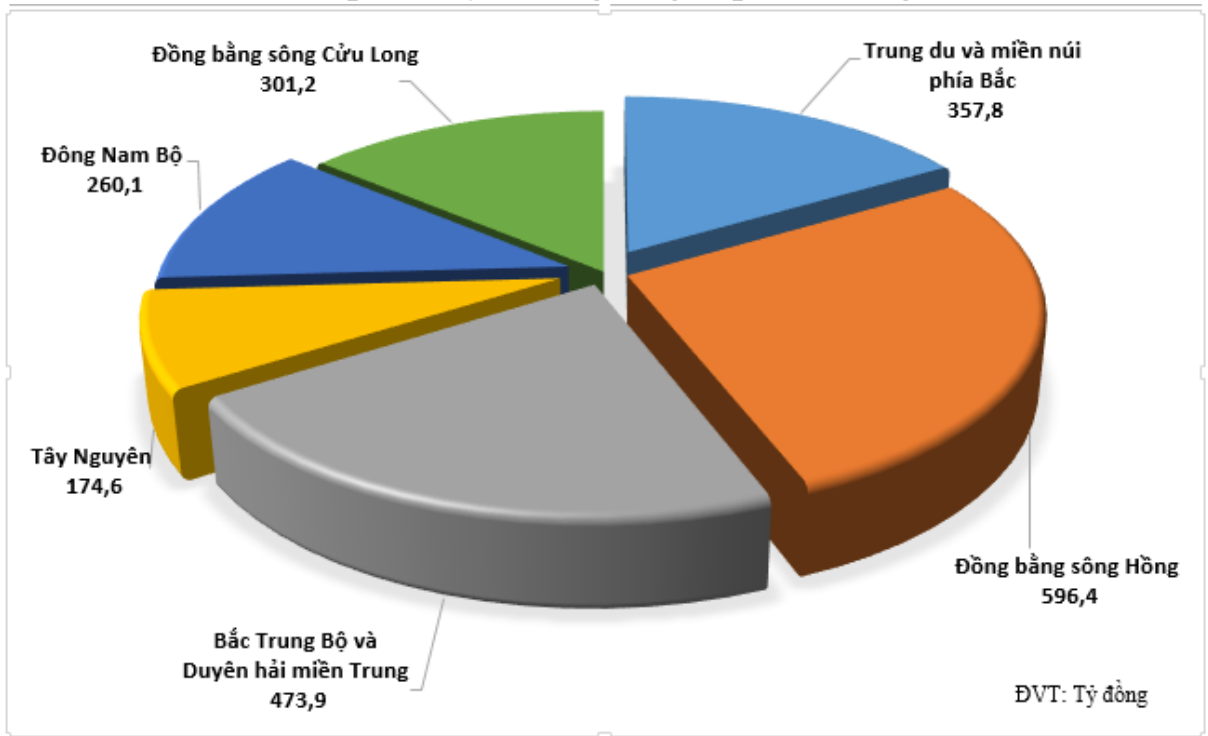
c) Vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung (gồm 13 tỉnh, thành phố: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận). Kinh phí khuyến công của toàn vùng là 473,9 tỷ đồng, chiếm 18%;

d) Vùng Tây Nguyên (gồm 5 tỉnh, thành phố: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng). Kinh phí khuyến công của toàn vùng là 174,6 tỷ đồng, chiếm 6,9%;

đ) Vùng Đông Nam Bộ (gồm 7 tỉnh, thành phố: Thành Phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước, Bình Dương, Bình Thuận, Tây Ninh, Đồng Nai). Kinh phí khuyến công của toàn vùng là 260,1 tỷ đồng, chiếm 10,3%;

e) Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long (gồm 13 tỉnh, thành phố: Long An, Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Kiên Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau). Kinh phí khuyến công của toàn vùng là 301,2 tỷ đồng, chiếm 11,9%;

Biểu đồ 03: Kinh phí khuyến công tổng hợp theo vùng kinh tế

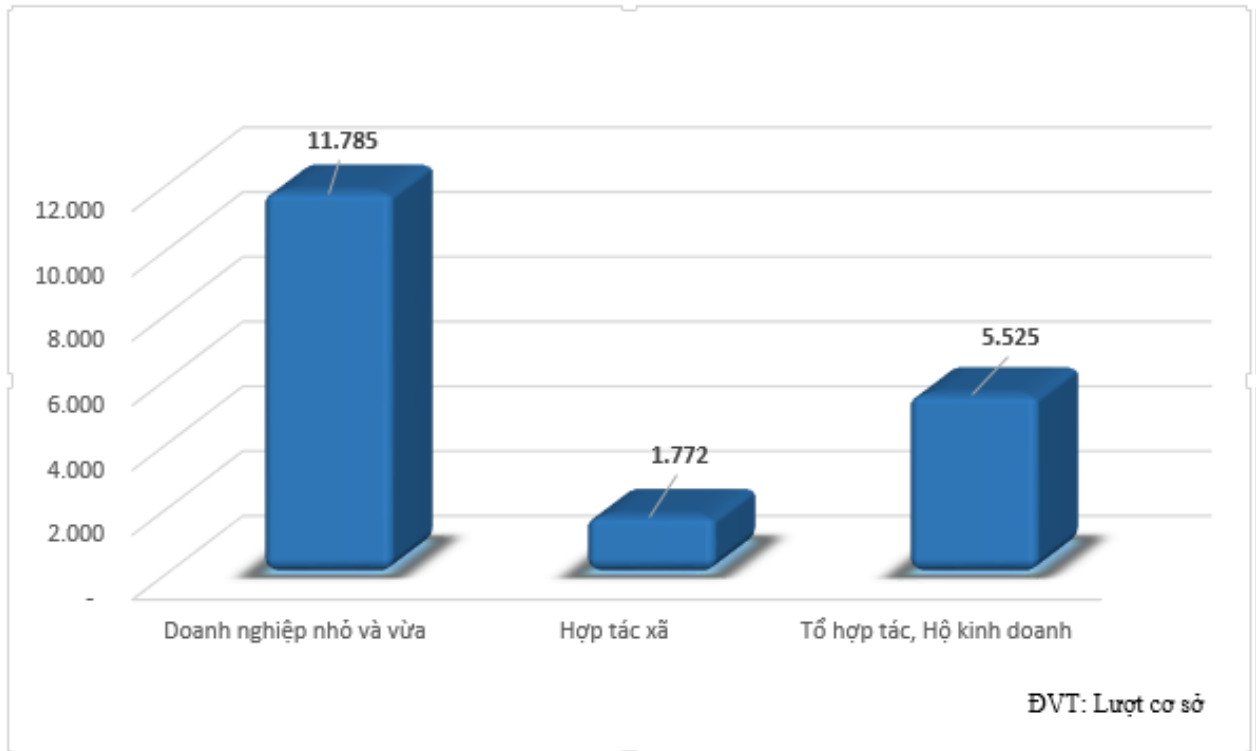


Một số địa phương đã dành ngân sách cấp huyện, cấp xã cho hoạt động khuyến công, tuy nhiên số kinh phí này chưa nhiều. Các đơn vị được giao quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công đã bám sát các chế độ, quy định hiện hành để đảm bảo quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ và có hiệu quả cao nhất.

III. Đánh giá mức độ thụ hưởng chính sách khuyến công

- Số lượng cơ sở CNNT thụ hưởng chính sách khuyến công thống kê trong 10 năm qua là 19.082 lượt cơ sở, được phân theo loại hình như sau: Doanh nghiệp nhỏ và vừa là 11.785 lượt hỗ trợ, chiếm 62%; Hợp tác xã là: 1.772 lượt hỗ trợ, chiếm 9%; Tổ hợp tác, Hộ kinh doanh là 5.525 lượt hỗ trợ, chiếm 29%.

- Số lượt cơ sở CNNT thuộc địa bàn khó khăn/đặc biệt khó khăn được thụ hưởng chính sách khuyến công là 9.541 cơ sở, chiếm 50% số lượt cơ sở được hỗ trợ từ chính sách.

Biểu đồ 04: Đối tượng thụ hưởng chính sách khuyến công

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả chính đã đạt được

- Những mục tiêu của hoạt động khuyến công tại Nghị định của Chính phủ và mục tiêu của chương trình tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đã và đang được thực hiện, khẳng định được vai trò quan trọng, động viên và huy động các nguồn lực vào đầu tư phát triển CNNT theo quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp của quốc gia, vùng, tỉnh; mang lại hiệu quả kinh tế xã hội đáng kể; góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hóa, xây dựng nông thôn mới.

- Các hoạt động khuyến công đặc biệt là hoạt động xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, hoạt động đào tạo nghề gắn với nhu cầu doanh nghiệp. .. đã góp phần xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm, gia tăng giá trị sản xuất CNNT, phát triển đời sống văn hoá - xã hội, đặc biệt ở những vùng kinh tế khó khăn; góp phần chuyển dịch tích cực cơ cấu ngành kinh tế, tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm, tỷ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng; chất lượng tăng trưởng được cải thiện, năng suất lao động tăng từ 4,3%/năm giai đoạn 2011-2015 lên khoảng 6%/năm giai đoạn 2016-2020⁹.

- Hoạt động khuyến công đã giúp các cơ sở CNNT có được hướng đầu tư đúng, hiệu quả, nâng cao được năng lực quản lý, mở rộng sản xuất kinh doanh, gia tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước; giúp các cơ sở CNNT phát triển bền vững và từng bước tham gia hội nhập kinh tế quốc tế. Bên

⁹ Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016 - 2020 tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng

cạnh hỗ trợ sản xuất công nghiệp, hoạt động khuyến công đã góp phần phát triển sản xuất tiêu thủ công nghiệp đặc biệt là các sản phẩm phục vụ xuất khẩu.

- Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động khuyến công từ Trung ương tới địa phương đã từng bước được hoàn thiện. Chương trình KCQG và KCĐP từng giai đoạn được ban hành kịp thời giúp định hướng các hoạt động khuyến công phù hợp với kế hoạch, chương trình phát triển công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp và ngành nghề trên phạm vi quốc gia, vùng, địa phương. Thông qua hoạt động khuyến công, vai trò, vị trí của các cơ quan quản lý Nhà nước về Công Thương địa phương được nâng cao một bước, tạo sự gắn kết giữa các cơ quan quản lý Nhà nước với cộng đồng doanh nghiệp, cơ sở CNNT.

- Hệ thống tổ chức thực hiện công tác khuyến công được thiết lập và hoạt động khá hiệu quả. Các đơn vị sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ khuyến công thuộc các Sở Công Thương được quan tâm đầu tư về biên chế, bộ máy, cơ sở vật chất, trang thiết bị và phương tiện làm việc. Hoạt động liên kết, phối hợp ngang giữa đơn vị và với các tổ chức dịch vụ khuyến công khác (các Viện, Trường, cơ quan thông tin tuyên truyền,...) được triển khai hiệu quả.

- Nguồn ngân sách nhà nước dành cho hoạt động khuyến công ngày càng tăng, từ 188 tỷ đồng năm 2013, đến trên 323 tỷ đồng năm 2022 (riêng năm 2021 giảm 50% dự toán do ngân sách ưu tiên cho các hoạt động phòng chống dịch Covid-19), tốc độ tăng bình quân cả giai đoạn 2013-2022 là 15 %/năm, phát huy hiệu quả vai trò vốn môi của Nhà nước và thu hút được 10.500 tỷ đồng vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân tham gia để phát triển sản xuất CNNT.

- Nhận thức của các cấp, các ngành, của cộng đồng doanh nghiệp về vai trò, vị trí hoạt động khuyến công đã ngày càng được nâng cao. Hoạt động khuyến công đã góp phần tích cực tham gia thực hiện các chính sách, giải pháp của Đảng, Nhà nước trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

2. Hạn chế, tồn tại

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, hoạt động khuyến công thời gian qua còn có một số mặt hạn chế, tồn tại cần khắc phục như sau:

- Công tác chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp chính quyền địa phương đối với các hoạt động khuyến công đã được tăng cường, tuy nhiên công tác phối hợp giữa các Sở, ngành, các đơn vị liên quan ở một số địa phương đối với hoạt động khuyến công chưa thật sự chặt chẽ và hiệu quả, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai.

- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP quy định đa dạng các nội dung hoạt động khuyến công, phù hợp với nhu cầu cần hỗ trợ của các cơ sở CNNT, tuy nhiên chưa có sự đồng bộ trong các văn bản quy phạm, nhiều nội dung hoạt động khuyến công không được quy định nội dung chi và định mức chi do vậy có nhiều nội dung không được triển khai. Bên cạnh đó, nhiều nội dung chưa được triển khai sâu rộng, có địa phương chưa triển khai được nhiều nội dung hỗ trợ để

thúc đẩy doanh nghiệp, cơ sở CNNT phát triển đồng bộ từ khâu sản xuất đến quảng bá, tiêu thụ sản phẩm.

- Tại một số địa phương, đội ngũ cán bộ, viên chức thực hiện nhiệm vụ khuyến công còn thiếu kinh nghiệm; cán bộ khuyến công cấp huyện chủ yếu là kiêm nhiệm và cấp xã được chưa hình thành dẫn đến việc khai thác, triển khai các đề án khuyến công còn khó khăn.

- Công tác khuyến công được coi là công cụ chính sách quan trọng của Nhà nước để thực hiện nhiệm vụ chính trị nhằm khuyến khích, động viên các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất tại khu vực nông thôn. Tuy nhiên, hiện nay, một vài địa phương đang tổ chức lại bộ máy đơn vị sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ khuyến công thuộc Sở Công Thương theo hướng sáp nhập về đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh với lý do không đảm bảo số lượng người làm việc tối thiểu là 15 người theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Thực tế này dẫn đến sự không thống nhất về mô hình hoạt động, cách thức quản lý chương trình, triển khai nhiệm vụ chính trị có tính đặc thù đã được quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật về khuyến công liên quan.

- Nguồn lực của Chương trình tuy đã được quan tâm bố trí nhưng chưa đủ sức hấp dẫn đối với các doanh nghiệp, cơ sở CNNT trong đầu tư, phát triển sản xuất tại địa phương. Khoản kinh phí khuyến công mà cơ sở CNNT được hỗ trợ để chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, xây dựng mô hình trình diễn phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới phải tính thuế thu nhập doanh nghiệp, làm giảm sức hấp dẫn của chương trình.

- Thời gian qua, định mức kinh tế kỹ thuật trong lĩnh vực khuyến công được các cơ quan, đơn vị sự nghiệp tập trung nghiên cứu xây dựng để làm cơ sở cho việc xác định giá dịch vụ sự nghiệp công theo quy định. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực tế đã phát sinh nhiều vướng mắc trong tính toán các định mức do dịch vụ khuyến công có tính trừu tượng, bản chất các nội dung hoạt động mang tính hỗ trợ, đồng hành với cơ sở CNNT và phạm vi triển khai trải dài trên nhiều địa bàn cấp tỉnh, khu vực và cả nước.

3. Kết quả công tác khen thưởng về khuyến công

Với mục tiêu nhằm khuyến khích, động viên cá nhân, tập thể hăng hái thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, cống hiến, sáng tạo trong triển khai các hoạt động khuyến công, hàng năm và theo giai đoạn Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và khen thưởng cho các tổ chức và cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động khuyến công. Trong giai đoạn 2013-2023, đã ghi nhận và trao Bằng khen cho 240 tập thể và 290 cá nhân trên cả nước có nhiều thành tích xuất sắc, nhiều sáng kiến, sáng tạo góp phần triển khai sâu, rộng các hoạt động khuyến công, thực hiện tốt các mục tiêu đã đề ra.

PHẦN III

MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC KHUYẾN CÔNG TRONG THỜI GIAN TỚI

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CHUNG

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế

Kinh tế thế giới hiện nay đang phải đối mặt với nhiều thách thức, biến động khó lường và tính bất ổn cao. Địa chính trị thế giới có nhiều thay đổi, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, cùng với sự phân mảnh trong không gian kinh tế thế giới; cạnh tranh chiến lược về địa kinh tế giữa các nước lớn diễn biến ngày càng gay gắt. Thương mại đầu tư truyền thống gặp khó khăn; các hoạt động đầu tư kinh doanh trên không gian số phát triển mạnh mẽ. Sản xuất chuyên dịch mạnh sang thâm dụng tri thức, thông minh hóa, trong đó động lực phát triển quan trọng nhất là đổi mới sáng tạo. Mạng lưới sản xuất, chuỗi cung ứng toàn cầu được tổ chức và cơ cấu lại theo hướng giảm thiểu rủi ro đứt gãy, gián đoạn, giảm tập trung vào một hay một số ít thị trường. Thành tựu khoa học công nghệ tiếp tục làm thay đổi sâu sắc lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất thế giới. Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 gắn với chuyển đổi số, kinh tế số, phát triển công nghiệp bền vững và bao trùm là động lực chính dẫn dắt xu thế phát triển kinh tế thế giới. Biến đổi khí hậu diễn ra khó lường và cạnh tranh tài nguyên thiên nhiên ngày càng gay gắt. Xu hướng xanh hóa các ngành công nghiệp và các ngành công nghiệp các bon thấp...

Trong nước, Đảng và Nhà nước ta đặt mục tiêu cao đối với phát triển kinh tế xã hội đất nước, tạo động lực chính trị sâu sắc thúc đẩy nhanh việc thực hiện mô hình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước dựa trên nền tảng của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Chính trị ổn định, vị thế quốc gia được nâng lên, kinh tế duy trì phát triển ở mức cao tạo nền tảng vững chắc cho quá trình phát triển công nghiệp. Thời kỳ dân số vàng, tầng lớp trung lưu tăng lên nhanh, đô thị hóa và phát triển đô thị diễn ra mạnh mẽ. Các ngành công nghiệp công nghệ cao, hoạt động dịch vụ số và nông nghiệp hiện đại phát triển nhanh, đồng bộ, ổn định trở thành nguồn lực vững chắc cho công nghiệp hóa đất nước trong thời gian tới. Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam tham gia vừa tạo ra cơ hội vừa là áp lực đối với công nghiệp hóa hiện đại hóa. Nền kinh tế Việt Nam với năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh còn thấp vẫn tiếp tục phụ thuộc nhiều vào FDI dựa trên gia công hàng hóa là chính; chưa làm chủ được công nghệ lõi, công nghệ chủ chốt. Khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo được quan tâm đầu tư, khu vực doanh nghiệp sản xuất chủ động hơn đối với tiếp cận khoa học công nghệ hiện đại. Biến đổi khí hậu diễn biến khó lường, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên gia tăng áp lực đối với quá trình công nghiệp hóa. Xu hướng xanh hóa sản xuất cùng với phát triển các ngành các bon thấp và nỗ lực thực hiện các cam kết quốc tế tạo nhiều thách thức mới đối với quá trình công nghiệp hóa.

Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, công tác khuyến công được triển khai sâu rộng trên cả nước đảm bảo các mục tiêu tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, góp phần tích cực đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Trong giai đoạn mới, theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW, công tác khuyến công phải được đổi mới theo hướng kết hợp giữa nhà nước với doanh nghiệp; theo chuỗi ngành hàng, chuyển đổi số.

II. MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG

1. Mục tiêu của công tác khuyến công

- Tổ chức thực hiện thắng lợi quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển CNNT nói chung và công tác khuyến công nói riêng tại Nghị quyết số 19-NQ/TW.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các hoạt động khuyến công theo các mục tiêu chung nhằm thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư vào khu vực nông thôn hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lại lao động xã hội và góp phần xây dựng nông thôn mới; nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Hướng đến cơ cấu hợp lý trong các ngành công nghiệp tại địa phương với sự tham gia của các thành phần kinh tế, phát triển công nghiệp gắn với quy hoạch các vùng nguyên liệu tập trung; gắn sản xuất với sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả theo mục tiêu tăng trưởng kinh tế xanh, ổn định và bền vững.

- Bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp khu vực nông thôn với chiến lược tổng thể phát triển công nghiệp, giữa chiến lược phát triển các ngành công nghiệp với chiến lược phát triển các ngành kinh tế khác để hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp, mạng sản xuất, chuỗi giá trị công nghiệp.

- Chú trọng các hoạt động sáng tạo, các chỉ số tác động về giá trị gia tăng, tiến bộ về công nghệ, xã hội, môi trường. Tạo mọi điều kiện cho các cơ sở CNNT thuận lợi trong tiếp cận các cơ hội phát triển nội dung số thông qua chính sách khuyến công. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

2. Một số định hướng đối với công tác khuyến công

Trên cơ sở Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; một số định hướng lớn cho hoạt động khuyến công trong giai đoạn mới cần được tập trung như sau:

- Nghiên cứu điều chỉnh cơ chế, chính sách về khuyến công phù hợp với tình hình mới nhằm khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế đầu tư vào khu vực nông thôn thực chất, hiệu quả, bền vững trên cơ sở kế thừa có chọn lọc thành tựu đạt được trong giai đoạn trước; bám sát Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, các Nghị quyết của Chính phủ, quy hoạch quốc gia, vùng, tỉnh và dựa trên kinh nghiệm về phát triển công nghiệp của các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Tăng cường chính sách hỗ trợ đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành công nghiệp tại khu vực nông thôn, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới có hiệu quả; chuyển từ sản xuất lấy số lượng làm mục tiêu sang nâng cao chất lượng, hiệu quả, đáp ứng được các tiêu chuẩn của thị trường trong và ngoài nước. Khuyến khích phát triển công nghiệp xanh; thúc đẩy sản xuất sạch hơn, sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường, áp dụng mô hình liên kết bền vững theo chuỗi vòng đời sản phẩm nhằm khai thác hợp lý và giảm tổn thất tài nguyên trong công nghiệp; bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Định hướng hoạt động khuyến công hỗ trợ có trọng tâm trọng điểm vào các lĩnh vực, sản phẩm chủ lực, tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của vùng, địa phương. Tiếp tục tập trung hỗ trợ một số nội dung hoạt động hiệu quả như xây dựng và nhân rộng các mô hình trình diễn kỹ thuật và ứng dụng máy móc tiên tiến; hỗ trợ phát triển các sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh, khu vực, quốc gia.

- Hỗ trợ ứng dụng khoa học - công nghệ chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong sản xuất CNNT. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên làm nền tảng cho hiện đại hóa nông thôn. Hỗ trợ có hiệu quả công nghiệp chế tạo, chế biến; công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, sản xuất vật tư và máy nông nghiệp; sản xuất tiêu thụ công nghiệp.

- Đẩy mạnh hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa có quy mô, tập trung theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất nguyên liệu với chế biến và tiêu thụ phù hợp với nhu cầu thị trường. Tiếp tục ưu tiên hỗ trợ các địa bàn huyện nghèo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, xã nông thôn mới trong chính sách khuyến công.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề; tư vấn các cơ sở CNNT nắm bắt và dự báo yêu cầu của thị trường lao động, kịp thời nâng cao trình độ, năng lực, chất lượng nhân lực, những kỹ năng mới, ngành nghề mới trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Tăng cường xúc tiến thương mại, phát triển các thương hiệu sản phẩm CNNT tiêu biểu của Việt Nam trên thị trường trong và ngoài nước. Tập trung thị trường tiêu thụ trong nước, mở rộng thị trường ra khu vực và thế giới; nâng cao giá trị xuất khẩu. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về khuyến công.

- Tăng cường liên kết giữa các tỉnh, thành phố trong vùng và liên kết giữa các vùng để trao đổi kinh nghiệm trong phát triển ngành và hoạt động khuyến

công; vừa phát huy được thế mạnh của mỗi địa phương, đồng thời liên kết khai thác có hiệu quả nhất tiềm năng lợi thế của cả vùng.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về cơ chế chính sách

- Rà soát cơ chế, chính sách hiện hành để đề xuất điều chỉnh, hoàn thiện khung pháp lý về công tác khuyến công bảo đảm phù hợp với các chủ trương, định hướng tại Nghị quyết số 19-NQ/TW; tổ chức triển khai hiệu quả;

- Định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động để có điều chỉnh phù hợp đối với hỗ trợ các ngành nghề ưu tiên. Hoàn thiện, áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật đối với lĩnh vực hoạt động KCQG đảm bảo khả thi, hiệu quả cao;

- Tiếp tục thúc đẩy xã hội hóa hoạt động tư vấn phát triển công nghiệp;

- Hoàn thiện và kết nối hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước về khuyến công và hỗ trợ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, cơ sở CNNT. củng cố công tác báo cáo định kỳ và nâng cao chất lượng báo cáo đánh giá về hoạt động khuyến công.

2. Về tổ chức bộ máy

- Kiện toàn, sắp xếp tổ chức hệ thống khuyến công theo hướng thống nhất giữ tổ chức bộ máy đơn vị sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ về khuyến công trực thuộc Sở Công Thương tại các địa phương để thuận lợi trong triển khai các hoạt động khuyến công có tính kỹ thuật đặc thù của ngành Công Thương; nâng cao hiệu quả hoạt động; đầu tư nâng cấp trụ sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho các đơn vị thực hiện.

- Đổi mới chương trình tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức khuyến công, áp dụng công nghệ thông tin. Nâng cao chất lượng đội ngũ người làm công tác khuyến công vững vàng về chính trị, tư tưởng, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng tốt các yêu cầu nhiệm vụ đặt ra đối với công tác khuyến công.

- Tăng cường hệ thống khuyến công viên cấp huyện, xã đủ mạnh về số lượng và chất lượng.

3. Về công tác phối hợp hoạt động

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa trung ương và địa phương; bảo đảm quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả; phát huy tính chủ động, sáng tạo, gắn trách nhiệm quản lý với cơ chế kiểm tra, giám sát hiệu quả; giải quyết những vướng mắc trong quá trình triển khai các đề án, nhiệm vụ khuyến công;

- Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiếp tục rà soát, hoàn thiện các văn bản về hoạt động khuyến công. Phối hợp triển khai thực hiện tốt các nội dung về khuyến công giữa Bộ Công Thương với các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội;

- Tăng cường liên kết giữa các tỉnh, thành phố trong vùng và liên kết giữa các vùng để trao đổi kinh nghiệm trong phát triển ngành và hoạt động khuyến công. Tăng cường công tác phối hợp kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí khuyến công đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích và đúng các quy định pháp luật.

4. Về công tác thông tin tuyên truyền

- Phân công trách nhiệm các cơ quan chức năng ở các cấp trong việc quán triệt và thực hiện tuyên truyền sâu rộng toàn xã hội về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác khuyến công trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nhằm huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị triển khai công tác khuyến công.

- Đổi mới, đa dạng hóa các hình thức thông tin tuyên truyền, cung cấp kịp thời thông tin về cơ chế chính sách đối với hoạt động khuyến công và phát triển công nghiệp nông thôn. Tăng thời lượng chương trình khuyến công trên sóng truyền hình và phát thanh để thu hút được sự quan tâm của các doanh nghiệp, các cơ sở CNNT.

5. Về kinh phí bố trí cho hoạt động khuyến công

- Tăng cường nguồn ngân sách nhà nước cho hoạt động khuyến công; huy động mọi nguồn lực xã hội cùng tham gia đầu tư phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quá trình đô thị hóa, nhất là ở các vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi, khu vực biên giới, hải đảo;

- Chú trọng lồng ghép với các dự án, chương trình mục tiêu khác để khuyến khích, thu hút nguồn vốn của cá nhân, tổ chức của toàn xã hội trong và ngoài nước đầu tư phát triển CNNT;

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí khác ngoài vốn ngân sách nhà nước phục vụ cho các hoạt động khuyến công;

- Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị làm việc phục vụ tổ chức hệ thống khuyến công được lồng ghép thông qua chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án phát triển kinh tế - xã hội của các bộ, ngành, địa phương;

- Đầu tư kinh phí đào tạo, bồi dưỡng định kỳ cho đội ngũ lãnh đạo của các cơ quan, đơn vị, cán bộ làm công tác khuyến công trong hệ thống cơ quan quản lý nhà nước.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thống nhất giữ nguyên tổ chức bộ máy đơn vị sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ về khuyến công trực thuộc các Sở Công Thương để thuận lợi trong triển khai các hoạt động khuyến công có tính kỹ thuật đặc thù của ngành Công Thương.

- Thông qua hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về hoạt động khuyến công của Bộ Công Thương. Giao Bộ Công Thương chủ trì,

phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan rà soát, nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách về khuyến công cho phù hợp với giai đoạn mới.

2. Đối với Bộ, ngành Trung ương

2.1 Đề nghị Bộ Tài chính:

- Rà soát và có điều chỉnh phù hợp các quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; có hướng dẫn đối với việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước ở các lĩnh vực mang ý nghĩa nhiệm vụ chính trị, công cụ chính sách của Nhà nước như công tác khuyến công.

- Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung một số quy định của pháp luật về thuế, trong đó xem xét bổ sung quy định các khoản hỗ trợ mà doanh nghiệp nhận được từ ngân sách nhà nước như kinh phí khuyến công là khoản thu được miễn thuế (tương tự như khoản hỗ trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, văn hóa, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và hoạt động xã hội khác tại Việt Nam thuộc diện được miễn thuế).

- Cân đối, bố trí kinh phí sự nghiệp cho kế hoạch khuyến công hàng năm và chương trình khuyến công từng giai đoạn đảm bảo nguồn lực ngày càng phát huy hiệu quả trong khuyến khích, thúc đẩy phát triển CNNT, đáp ứng kịp thời yêu cầu, nhiệm vụ trong thời gian tới.

2.2 Đề nghị Bộ Nội vụ thống nhất trong chỉ đạo, hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của đơn vị sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ khuyến công trực thuộc Sở Công Thương tại các địa phương phù hợp với đặc điểm tình hình và tính chất nhiệm vụ của công tác khuyến công.

2.3 Đề nghị các Ban, Bộ, ngành, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội, trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn được giao, phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương trong việc đẩy mạnh triển khai các nội dung liên quan của công tác khuyến công.

3. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

3.1 Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Phối hợp với Bộ Công Thương trong quá trình rà soát, nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách mới về khuyến công; đồng thời hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động khuyến công của địa phương phù hợp với quy định của pháp luật liên quan và điều kiện của địa phương.

- Chỉ đạo, phân công, phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ngành và UBND cấp huyện đối với hoạt động khuyến công trên địa bàn; trong đó xác định rõ vai trò của Sở Công Thương là cơ quan giúp UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công tại địa phương.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy đơn vị sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ về khuyến công trực thuộc các Sở Công Thương để thuận lợi trong triển khai các hoạt động khuyến công có tính kỹ thuật đặc thù của ngành Công Thương. Đầu tư nâng cấp

trụ sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho các đơn vị theo hướng chuyên nghiệp; bố trí đủ biên chế; có chính sách bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ làm công tác khuyến công, đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Quan tâm, tăng cường bố trí kế hoạch vốn từ nguồn ngân sách địa phương để triển khai hiệu quả các hoạt động khuyến công trên địa bàn; đầu tư nâng cấp trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho đơn vị sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ khuyến công theo hướng chuyên nghiệp.

- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến sâu rộng và liên tục về chủ trương, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chính sách khuyến công.

- Tổ chức khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác khuyến công.

3.2 Đối với Sở Công Thương

- Quán triệt sâu sắc vị trí, vai trò của công tác khuyến công trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; nâng cao tinh thần trách nhiệm của Lãnh đạo Sở, đội ngũ cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện các hoạt động khuyến công; tạo sự gắn kết giữa cơ quan quản lý nhà nước với cộng đồng doanh nghiệp, cơ sở CNNT trên địa bàn.

- Hướng dẫn, chỉ đạo đơn vị sự nghiệp trực thuộc tập trung xây dựng các đề án theo hướng hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với tiềm năng, lợi thế của vùng, địa phương; đồng bộ với các chương trình hỗ trợ tiếp cận đất đai và mặt bằng sản xuất kinh doanh, ưu đãi đầu tư, tín dụng và đặc biệt là khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Thực hiện có chất lượng, hiệu quả các nội dung hoạt động, bảo đảm phát huy tối đa nguồn lực, năng lực hiện có của các cơ sở CNNT.

- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí khuyến công đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích và đúng các quy định pháp luật hiện hành.

Các Biểu kèm theo: Biểu số 1: Biểu tổng hợp kinh phí khuyến công giai đoạn 2013-2022 phân theo các nội dung chính; Biểu số 2: Biểu tổng hợp kinh phí khuyến công giai đoạn 2013-2022 phân theo vùng kinh tế; Biểu số 3: Biểu tổng hợp một số kết quả chính của các hoạt động khuyến công giai đoạn 2013-2022; Biểu số 4: Biểu tổng hợp về nguồn nhân lực tại các địa phương giai đoạn 2013-2022; Biểu số 5: Biểu tổng hợp về công tác xây dựng một số VBQPPL về công tác khuyến công tại địa phương./.

BỘ CÔNG THƯƠNG